

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT HỢP NHẤT

QUÝ IV NĂM 2009

A BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị : đồng


STT	Nội dung	Số dư đầu năm	Số dư cuối kỳ
I.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	703,519,730,990	892,119,957,959
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	103,748,660,422	97,920,739,957
2.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	80,807,550,450	5,626,178,353
3.	Các khoản phải thu ngắn hạn	123,011,218,064	311,481,626,390
4.	Hàng tồn kho	395,311,164,839	469,475,675,117
5.	Tài sản ngắn hạn khác	641,137,215	7,615,738,142
II.	TÀI SẢN DÀI HẠN	729,460,579,540	927,584,045,460
1.	Các khoản phải thu dài hạn		-
2.	Tài sản cố định	76,628,934,466	207,305,458,307
	- Tài sản cố định hữu hình	58,256,137,171	56,943,724,816
	- Tài sản cố định vô hình	5,352,361,221	30,569,982,785
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13,020,436,074	119,791,750,706
3.	Bất động sản đầu tư	10,749,982,445	10,067,316,041
4.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	624,495,140,602	674,134,157,776
5.	Tài sản dài hạn khác	10,127,863,518	29,098,917,384
6.	Lợi thế thương mại	7,458,658,509	6,978,195,952
III.	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1,432,980,310,530	1,819,704,003,419
IV.	NỢ PHẢI TRẢ	411,688,031,040	531,075,431,518
1.	Nợ ngắn hạn	200,874,284,349	281,017,359,010
2.	Nợ dài hạn	210,813,746,691	250,058,072,508
V.	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	1,001,009,161,787	1,239,635,250,074
1.	Vốn chủ sở hữu	986,949,976,685	1,222,367,224,329
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	252,500,000,000	378,750,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	509,135,687,300	435,099,020,376
	- Cổ phiếu quỹ	(68,488,734,176)	-
	- Các quỹ	140,690,749,596	238,961,818,091
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	153,112,273,965	169,556,385,862
2.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	14,059,185,102	17,268,025,745
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14,059,185,102	17,268,025,745
VI.	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	20,283,117,703	48,993,321,827
VII.	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1,432,980,310,530	1,819,704,003,419

V.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2009*(Áp dụng với các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, dịch vụ)*

STT	Chỉ tiêu	KỠ BÁO CÁO	LUỸ KẾ
1.	Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	105,516,125,136	488,963,818,652
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	3,094,364,869	6,549,333,598
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	102,421,760,267	482,414,485,054
4.	Giá vốn hàng bán	41,551,464,085	217,324,424,555
5.	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	60,870,296,182	265,090,060,499
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	29,898,327,148	87,259,527,562
7.	Chi phí tài chính	410,410,322	(4,019,559,601)
8.	Chi phí bán hàng	243,561,295	550,411,183
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	17,311,987,870	54,432,466,527
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	72,802,663,843	301,386,269,952
11.	Thu nhập khác	4,920,561,304	47,113,367,394
12.	Chi phí khác	3,172,975,594	4,069,537,163
13.	Lợi nhuận khác	1,747,585,710	43,043,830,231
14.	Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong Cty liên kết, liên doanh	-	-
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	74,550,249,553	344,430,100,183
16.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	12,455,114,120	59,352,855,497
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	62,095,135,433	285,077,244,686
18.	Lợi ích cổ đông thiểu số	1,269,252,341	4,627,804,838
19.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ (*)	60,825,883,092	280,449,439,848
20.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,223.64	8,612.53

(*) Gồm lãi phải chia cho các bên góp vốn hợp tác kinh doanh (quý 1/2009): 11.200.000.000đ; Q2/2009: 866.875.000đ; Q3/2009: 52.328.080.663đ.

Ghi chú : Số liệu báo cáo này chưa kiểm toán.

Ngày 19 tháng 01 năm 2010
TM. CTY CP PHÁT TRIỂN NHÀ THỦ ĐỨC
CÔNG TÔNG GIÁM ĐỐC
CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN NHÀ
THỦ ĐỨC


LÊ CHÍ HIẾU